

**BÁO CÁO****kết quả kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng  
đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị năm 2023**

-----

Thực hiện Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 04/10/2023 của Bộ Chính trị (*Quy định số 124-QĐ/TW*); Hướng dẫn số 25-HD/BTCTW, ngày 10/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương (*Hướng dẫn số 25-HD/BTCTW*); Quy định số 26-QĐ/TU, ngày 03/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị (*Quy định số 26-QĐ/TU*), trên cơ sở kết quả kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng các đảng bộ, tập thể, cá nhân lãnh đạo, quản lý, đảng viên; kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2023 của toàn Đảng bộ tỉnh; Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng báo cáo kết quả như sau:

**I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN****1. Tình hình triển khai**

Căn cứ Quy định số 124-QĐ/TW và Hướng dẫn số 25-HD/BTCTW, ngày 10/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định số 26-QĐ/TU để thống nhất thực hiện trong toàn tỉnh. Để cụ thể hóa thêm một số nội dung, quy trình tổ chức thực hiện, Ban Tổ chức Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 15-HD/BTCTU, ngày 13/11/2023 một số nội dung về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị; tổ chức tập huấn toàn tỉnh; ban hành kế hoạch dự kiểm điểm đối với ban thường vụ cấp ủy cấp trên cơ sở; đảng bộ cơ sở trực thuộc Tỉnh ủy<sup>1</sup>.

Trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Trung ương, tỉnh, 100% các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, nghiêm túc tổ chức thực hiện.

**2. Kết quả thực hiện****2.1. Kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình**

Đến ngày 24/01/2024, đến thời điểm đánh giá có 1.114 tập thể lãnh đạo, quản lý các cấp, số được kiểm điểm, đánh giá 1.109 tập thể, tỷ lệ 95,61%; 05 tập thể chưa kiểm điểm, tỷ lệ 4,39%<sup>2</sup>. Các tập thể lãnh đạo, quản lý đã được kiểm điểm, đánh giá, xếp loại: 01 tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy; 18 tập thể lãnh đạo, quản lý các ban cán sự đảng, đảng đoàn, cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy; 27 tập thể lãnh đạo, quản lý các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; 297 tập thể lãnh đạo, quản lý cấp huyện (*16 ban thường vụ cấp huyện*

<sup>1</sup> Có 47 điểm cầu, trong đó cấp tỉnh 01 điểm (*Ban Tổ chức Tỉnh ủy*); cấp huyện 17 điểm; cấp cơ sở 29 điểm với 2.168 đại biểu tham dự.

<sup>2</sup> Công an tỉnh 03; Thành ủy Đà Lạt 02 (*do mới thành lập, chưa đủ 06 tháng*).

và tương đương; 281 tập thể lãnh đạo, quản lý các phòng, ban, ngành); 766 tập thể cấp cơ sở, kết quả như sau:

### 2.1.1. Đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

- Việc kiểm điểm tập thể và cá nhân các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được tiến hành trong 02 ngày (ngày 02 - 03/01/2024).

- Quá trình kiểm điểm được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình theo yêu cầu, hướng dẫn của Trung ương, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, nêu cao tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình trên cơ sở thẳng thắn, xây dựng, đoàn kết, cầu thị, nghiêm túc.

- Nội dung kiểm điểm tập thể tập trung vào việc đánh giá kết quả đạt được, những khuyết điểm, hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, xây dựng, thực hiện chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trên các mặt kinh tế - xã hội<sup>3</sup>, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị; xây dựng đoàn kết nội bộ. Bên cạnh đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung đi sâu kiểm điểm việc chấp hành nguyên tắc tổ chức hoạt động, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hiện quy chế làm việc; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; trách nhiệm nêu gương; trách nhiệm giải trình; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân; công tác tuyên truyền, tổ chức học tập, quán triệt các chủ trương, nghị quyết của Đảng. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả việc củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên<sup>4</sup>; việc khắc phục các tồn tại, hạn chế.

- Nội dung kiểm điểm của từng cá nhân Ủy viên Ban Thường vụ được chuẩn bị chu đáo, phần lớn các ý kiến góp ý đều nhận định đa số các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy có tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm cao trong công việc, tinh thần đoàn kết thống nhất, đấu tranh tự phê bình và phê bình tốt, không né tránh, ngại va chạm; thể hiện sự gương mẫu, trách nhiệm, năng động, sáng tạo. Tuy nhiên, năm 2023, có 02 đồng chí phải xem xét, thi hành kỷ luật hình thức "Khai trừ ra khỏi Đảng".

- Qua kiểm điểm nghiêm túc tại Hội nghị, tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nhìn nhận

<sup>3</sup> Tổng sản phẩm trong nước (GRDP - giá SS 2010) tăng 5,63% (NQ tăng 7,5-8,5%), quy mô GRDP theo giá hiện hành đạt 114.600 tỷ đồng; trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 5,47% (NQ tăng 4,5-5%); khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 6,15% (NQ tăng 10,6-13,1%); khu vực dịch vụ tăng 5,79% (NQ tăng 9,2-9,8%); GRDP bình quân đầu người đạt 86,12 triệu đồng/người (NQ đạt 83,4-84,5 triệu đồng/người); thu ngân sách nhà nước đạt 13.213 tỷ đồng, bằng 91,12% dự toán địa phương (NQ 14.500 tỷ đồng); Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm 2,05%, tương ứng giảm 6.369 hộ (NQ giảm từ 1 - 1,5%); trong đó, tỷ lệ nghèo đa chiều người đồng bào dân tộc thiểu số giảm 5,09%, tương ứng giảm 4.149 hộ (NQ giảm từ 2,5 - 3%); Tỷ lệ che phủ rừng 54,5% (NQ 55%); có 109/111 xã (đạt 98,2%) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó: Có 41 xã nông thôn mới nâng cao và 16 xã nông thôn mới kiểu mẫu; 05 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (gồm: Đơn Dương, Đức Trọng, Đa Tề, Cát Tiên, Lâm Hà); 02 thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (Năm 2023, có thêm: 02 xã (xã Đa Tông và xã Đa M'Rông, huyện Đam Rông) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (NQ có thêm 01 xã); 08 xã nông thôn mới nâng cao (NQ có thêm 08 xã); 07 xã nông thôn mới kiểu mẫu (NQ có thêm 04 xã)).

<sup>4</sup> Kết quả công tác phát triển đảng đạt 100,6% kế hoạch.

rõ kết quả đạt được, những khuyết điểm, hạn chế, nguyên nhân; qua đó tiếp tục phát huy ưu điểm, kịp thời khắc phục những khuyết điểm, hạn chế, phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

*2.1.2. Đối với tập thể và cá nhân ủy viên ban thường vụ thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy:*

- Công tác kiểm điểm năm 2023 cơ bản được ban thường vụ các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chuẩn bị và tổ chức thực hiện nghiêm túc, theo đúng tinh thần quy định của Trung ương và của tỉnh. Nội dung kiểm điểm gắn với nội dung cam kết thực hiện theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, XIII; bản đăng ký học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nội dung gợi ý kiểm điểm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy<sup>5</sup>.

- Quá trình kiểm điểm có các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách địa bàn dự, chỉ đạo; đại diện lãnh đạo và cán bộ của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy dự, theo dõi, hướng dẫn kiểm điểm. Thời gian kiểm điểm tập thể và cá nhân các đồng chí ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện trung bình 1,5 ngày.

- Nội dung kiểm điểm tập thể của đa số các cấp ủy bám sát theo quy định, tập trung đánh giá, làm rõ kết quả đạt được, những hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị năm 2023 và các nội dung gợi ý theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Một số ban thường vụ cấp ủy phân tích khá rõ những hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân (*Đa Têh, Di Linh, Công an tỉnh, Quân sự tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Đảng đoàn HĐND tỉnh, ...*).

- Nội dung kiểm điểm cá nhân đã thể hiện trách nhiệm của từng đồng chí ủy viên ban thường vụ, nhất là vai trò của các đồng chí lãnh đạo, người đứng đầu. Đa số các hạn chế, khuyết điểm, yếu kém của tập thể liên quan đến từng lĩnh vực cụ thể đã được các đồng chí ủy viên ban thường vụ liên hệ, nhận trách nhiệm và có hướng khắc phục trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong thời gian tới. Tổng số có 137 đồng chí ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện và tương đương được đánh giá, xếp loại, kết quả: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 22 đồng chí, tỷ lệ 16%, giảm 4%; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 112 đồng chí, tỷ lệ 81,75%, tăng 2,45%; hoàn thành nhiệm vụ: 01 đồng chí, tỷ lệ 0,7%; không hoàn thành nhiệm vụ: 02 đồng chí, tỷ lệ 1,55%, tăng 1,55%.

*2.1.3. Đối với tổ chức cơ sở đảng, chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở:*

Thực hiện quy định, hướng dẫn của Trung ương và tỉnh, từng loại hình tổ chức cơ sở đảng, các chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ, xây dựng báo cáo kiểm điểm cấp ủy, ban thường vụ (*đối với những đảng bộ cơ sở có ban thường vụ*), báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 2023, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024; kết quả kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng và tổ chức họp kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng, đảm bảo quy trình, thời gian theo đúng yêu cầu và quy định.

---

<sup>5</sup> BTV thành ủy Đà Lạt, BTV Huyện ủy Bảo Lâm, BTV Đảng ủy Quân sự tỉnh.

## 2.2. Kết quả xếp loại chất lượng

### 2.2.1. Kết quả đánh giá, xếp loại tổ chức đảng:

- Đối với Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng:

Tự đánh giá, xếp loại: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Đối với đảng bộ cấp huyện và tương đương: Đến thời điểm đánh giá có 16 đảng bộ; số được đánh giá, xếp loại 16 đảng bộ, tỷ lệ 100%:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 03 đảng bộ, tỷ lệ 18,75%.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 13 đảng bộ, tỷ lệ 81,25%.

+ Hoàn thành nhiệm vụ: không.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ: không.

- Đối với các tổ chức cơ sở đảng: Đến thời điểm kiểm điểm, đánh giá có 747 tổ chức cơ sở đảng; số được kiểm điểm, đánh giá, xếp loại 744 tổ chức, tỷ lệ 99,59%; số chưa được đánh giá, xếp loại 03 TCCSĐ (lý do mới thành lập, chưa đủ 06 tháng), tỷ lệ 0,41%, kết quả:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 131 tổ chức, tỷ lệ 19,23%, tăng 2,53%.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 550 tổ chức, tỷ lệ 73,9%, tăng 4,54%.

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 54 tổ chức, tỷ lệ 7,25%, giảm 3,95%.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ: 09 tổ chức, tỷ lệ 1,2%, giảm 1,54%<sup>6</sup>.

- Đối với chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở: Đến thời điểm kiểm điểm, đánh giá có 3.011 chi bộ; số được kiểm điểm, đánh giá, xếp loại là 2.991 chi bộ, tỷ lệ 99,33%; số chưa được kiểm điểm, đánh giá xếp loại là 20 chi bộ, tỷ lệ 0,67% (do mới thành lập chưa đủ 06 tháng), kết quả:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 523 chi bộ, tỷ lệ 18,16%, giảm 1,03%.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 2.357 chi bộ, tỷ lệ 78,80%, tăng 6,55%.

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 103 chi bộ, tỷ lệ 3,44%, giảm 3,76%.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ: 08 chi bộ, tỷ lệ 0,26%, giảm 0,85%<sup>7</sup>.

### 2.2.2. Kết quả đánh giá, xếp loại đảng viên:

Số đảng viên đến thời điểm đánh giá 48.772 đảng viên; số được kiểm điểm, đánh giá, xếp loại 45.034 đảng viên, tỷ lệ 92,33%; số chưa được kiểm điểm, đánh giá xếp loại 3.738 đảng viên, tỷ lệ 8,32% (trong đó: số được miễn kiểm điểm, đánh giá, xếp loại 2.928 đảng viên; số chưa đủ thời gian để đánh giá, xếp loại 810 đảng viên), kết quả:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 6.654 đảng viên, tỷ lệ 15,36%, giảm 0,08%.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 36.640 đảng viên, tỷ lệ 81,36%, tăng 0,86%.

<sup>6</sup> Đảng bộ TP Đà Lạt 02 (Chi bộ Chi cục Thi hành án dân sự; Đảng bộ Phường 4); Đảng bộ TP Bảo Lộc 03 (Đảng bộ cơ sở xã Lộc Nga; Đảng bộ cơ sở CTCP Công trình đô thị; Chi bộ BQL dự án); huyện Bảo Lâm 01 (Chi bộ cơ sở Trường THCS-THPT Lộc Bắc); Khối các cơ quan 02 (Đảng bộ Sở Giao thông-Vận tải; Chi bộ cơ sở Thanh tra tỉnh); huyện Cát Tiên 01 (Chi bộ cơ sở Mặt trận - Đoàn thể).

<sup>7</sup> Đơn Dương 01 (Chi bộ thi hành án dân sự và hỗ trợ tư pháp, ĐB CA huyện); Đức Trọng 01 (Chi bộ CA, ĐB xã Tà Hine); Di Linh 01 (Chi bộ Quân sự, ĐB xã Tân Thượng); Đạ Hoai 01 (Chi bộ CA, ĐB xã Đạ Oai); Đạ Tẻh 01 (Chi bộ thôn Đạ Nha, ĐB xã Quốc Oai); Đam Rông 01 (Chi bộ Trường tiểu học Lương Thế Vinh, ĐB xã Đạ Rsal); ĐU Khối các Cơ quan 01 (Chi bộ Trung tâm Đăng kiểm, ĐB Sở GT-VT); ĐU Quân sự tỉnh 01 (Chi bộ Quân nhu, ĐB Phòng Hậu cần).

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 1.457 đảng viên, tỷ lệ 3,2% giảm 0,08%.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ: 283 đảng viên, tỷ lệ 0,62%, giảm 0,16%<sup>8</sup>.

### 2.2.3. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể lãnh đạo, quản lý các cấp:

- Đối với tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

Tự đánh giá, xếp loại: Không hoàn thành nhiệm vụ.

- Đối với tập thể lãnh đạo, quản lý của các ban cán sự đảng, đảng đoàn, cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, Trường Chính trị tỉnh, Báo Lâm Đồng: Đến thời điểm kiểm điểm đánh giá có 18 tập thể được kiểm điểm, đánh giá, xếp loại, tỷ lệ 100%, kết quả:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 02 tập thể, tỷ lệ 13,33%, giảm 16,07%.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 13 tập thể, tỷ lệ 72,22%, tăng 7,12%.

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 01 tập thể, tỷ lệ 5,55%, giảm 1%.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ: 02 tập thể, tỷ lệ 11,11%, tăng 11,11%<sup>9</sup>.

- Đối với tập thể lãnh đạo, quản lý các sở ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh (do Ban cán sự đảng UBND tỉnh đánh giá, xếp loại) có 27 tập thể được kiểm điểm, đánh giá, xếp loại, kết quả:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 02 tập thể, tỷ lệ 9,5%, giảm 10,1%.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 19 tập thể, tỷ lệ 70,37%, giảm 11,11%.

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 04 tập thể, tỷ lệ 14,81%<sup>10</sup>, tăng 14,81%.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ: 02 tập thể, tỷ lệ 7,4%, tăng 7,4%<sup>11</sup>.

- Đối với tập thể lãnh đạo, quản lý ở cấp huyện: Đến thời điểm kiểm điểm, đánh giá có 298 tập thể, số kiểm điểm, đánh giá, xếp loại 297 tập thể, tỷ lệ 99,66%; 01 tập thể chưa kiểm điểm, đánh giá, xếp loại, tỷ lệ 0,34%<sup>12</sup>, kết quả:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 56 tập thể, tỷ lệ 19,78%, giảm 9,22%.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 227 tập thể, tỷ lệ 76,43%, tăng 23,4%.

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 11 tập thể, tỷ lệ 3,7%, giảm 9,7%.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ: 03 tập thể, tỷ lệ 1%, giảm 3,6%<sup>13</sup>.

Trong đó, tập thể ban thường vụ các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có 16 tập thể, kết quả như sau:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 03 tập thể, tỷ lệ 21,4%.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 11 tập thể, tỷ lệ 66,75%, giảm 6,25%.

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 01 tập thể, tỷ lệ 6,25%, tăng 6,25%.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ: 01 tập thể, tỷ lệ 6,25%, tăng 6,25%.

<sup>8</sup> Đà Lạt 18; Bảo Lộc 25; Lạc Dương 22; Đơn Dương 25; Đức Trọng 34; Lâm Hà 36; Di Linh 15; Bảo Lâm 13; Đa Hoà 05; Đa Tề 20; Cát Tiên 14; Đam Rông 23; ĐU Khối các Cơ quan 12; Khối Doanh nghiệp 08; Công an tỉnh 07; Quân sự tỉnh 06.

<sup>9</sup> Đảng đoàn HĐND tỉnh; BCSD UBND tỉnh.

<sup>10</sup> Sở Giao thông vận tải; Sở Tài nguyên và Môi trường.

<sup>11</sup> Thanh tra tỉnh; Ban quản lý rừng phòng hộ Tà Nung.

<sup>12</sup> Thuộc Thành ủy Đà Lạt.

<sup>13</sup> Bảo Lộc 01; Cát Tiên 01; ĐU Khối các CQ tỉnh 01.

- *Đối với tập thể lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở*: Đến thời điểm kiểm điểm, đánh giá có 770 tập thể; số được kiểm điểm, đánh giá, xếp loại 766 tập thể, tỷ lệ 99,48; số chưa kiểm điểm, đánh giá, xếp loại 04 tập thể, tỷ lệ 0,52%, kết quả:

- + Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 163 tập thể, tỷ lệ 23,28%, tăng 3,28%.
- + Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 537 tập thể, tỷ lệ 70%, tăng 2,29%.
- + Hoàn thành nhiệm vụ: 51 tập thể, tỷ lệ 6,65%, giảm 1,64%.
- + Không hoàn thành nhiệm vụ: 15 tập thể, tỷ lệ 1,9%, tăng 0,94%<sup>14</sup>.

2.2.4. *Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp*:

- *Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy*: Đến thời điểm kiểm điểm, đánh giá có 14 đồng chí, số được đánh giá, xếp loại 12 đồng chí, tỷ lệ 85,71% (02 đồng chí chưa được kiểm điểm, chưa đánh giá, xếp loại, tỷ lệ 14,3%), kết quả:

- + Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 02 đồng chí, tỷ lệ 18,18%.
- + Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 09 đồng chí, tỷ lệ 75%, tăng 8,3%.
- + Hoàn thành nhiệm vụ: Không.
- + Không hoàn thành nhiệm vụ: 01 đồng chí, tỷ lệ 13,3%, tăng 13,3%.

- *Các đồng chí Tỉnh ủy viên (không là UVBTV Tỉnh ủy)*: Đến thời điểm kiểm điểm, đánh giá có 31 đồng chí, số được đánh giá 30 đồng chí, tỷ lệ 96,77%; 01 đồng chí chưa đánh giá, xếp loại, tỷ lệ 3,23%, kết quả:

- + Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 04 đồng chí, tỷ lệ 15,38%, giảm 6,42%.
- + Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 22 đồng chí, tỷ lệ 73,33%, tăng 3,63%.
- + Hoàn thành nhiệm vụ: 02 đồng chí, tỷ lệ 6,66%, tăng 3,65%.
- + Không hoàn thành nhiệm vụ: 02 đồng chí, tỷ lệ 6,66%, tăng 6,66%.

- *Các đồng chí bí thư các huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh (không là Tỉnh ủy viên)*: Đến thời điểm kiểm điểm, đánh giá có 20 đồng chí, số được đánh giá 19 đồng chí, tỷ lệ 95%, 01 đồng chí chưa đánh giá, xếp loại, tỷ lệ 5%, kết quả:

- + Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 01 đồng chí, tỷ lệ 5,88%, giảm 14,45%.
- + Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 16 đồng chí, tỷ lệ 84,21%, tăng 4,21%.
- + Hoàn thành nhiệm vụ: 02 đồng chí, tỷ lệ 10,52%, tăng 10,52%.
- + Không hoàn thành nhiệm vụ: Không.

2.2.5. *Công tác kiểm tra, giám sát, thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại*:

- Công tác kiểm tra, giám sát, thẩm định, đánh giá được các cấp ủy tổ chức thực hiện nghiêm túc. Có 100% các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy thành lập tổ công tác (trong đó có 01 đồng chí ủy viên ban thường vụ) để cùng dự họp kiểm điểm, đánh giá, xếp loại các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên. Sau khi dự kiểm tra, hướng dẫn, các tổ thẩm định tiến hành tổng hợp, lấy ý kiến, sau đó xem xét, phân tích, đề xuất mức đánh giá, xếp loại trước khi trình ban thường vụ cấp ủy quyết định.

<sup>14</sup> Bảo Lâm 03; Bảo Lộc 01; Đà Lạt 08; Di Linh 01; Lạc Dương 01; Cát Tiên 01.

- Phương pháp, quy trình, nội dung kiểm tra, giám sát công tác kiểm điểm được thực hiện đúng theo Quy định số 124-QĐ/TW, Hướng dẫn số 25-HD/BTCTW, Quy định số 26-QĐ/TU, Hướng dẫn số 15-HD/BTCTU, ngày 13/11/2023 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

(Có các biểu 6A; 6B; 6C; 6D; 6E, 6F kèm theo).

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm**

- Các cấp ủy, tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở đã chủ động bám sát quy định, hướng dẫn của Trung ương và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu; quá trình tổ chức kiểm điểm tập thể và cá nhân lãnh đạo, quản lý cơ bản nghiêm túc, rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân, nhất là đối với những hạn chế, khuyết điểm.

- Nội dung kiểm điểm các tập thể, cá nhân rõ người, rõ việc, nhất là kết quả đánh giá các sản phẩm, mô hình mới trong đánh giá, xếp loại mức “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*”. Việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đã từng bước phát huy tính chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên.

- Chất lượng kiểm điểm đánh giá, xếp loại có chuyển biến; một số tiêu chí, nội dung đánh giá cơ bản sát với tình hình thực tế của tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị.

- Kết quả kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng và tổ chức họp kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng của tập thể, cá nhân trong toàn hệ thống chính trị đảm bảo quy trình, thời gian theo đúng yêu cầu và quy định.

### **2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

#### **2.1. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc:**

- Còn một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa thực sự nghiêm túc, lúng túng trong quy trình đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở đảng, đảng viên, nhất là trong việc đánh giá, xếp loại gắn với các tiêu chí cụ thể về tự nhận mức xếp loại.

- Nội dung kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các quy định về trách nhiệm nêu gương ở một số loại hình tổ chức cơ sở đảng, tập thể lãnh đạo, quản lý, cá nhân chưa thực sự sâu, kỹ.

- Nội dung tự phê bình trong kiểm điểm phần hạn chế, khuyết điểm của một số tập thể, cá nhân chưa rõ, còn chung chung, chưa mạnh dạn tự nhận hạn chế, khuyết điểm để sửa chữa, khắc phục. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực còn hạn chế, một số vụ án, vụ việc xảy ra gây dư luận xấu trong xã hội, cán bộ, đảng viên. Năm 2023, có 03 đồng chí cấp ủy cấp tỉnh (02 đồng chí người đứng đầu; 01 đồng chí Tỉnh ủy viên) phải xem xét, thi hành kỷ luật hình thức “Khai trừ ra khỏi Đảng”.

#### **2.2. Nguyên nhân:**

- Vẫn còn một số cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, quản lý chưa thực sự nghiên cứu kỹ quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về các bước, quy trình, tiêu chí trong kiểm điểm, đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân, vì vậy còn lúng túng hoặc thực hiện chưa nghiêm việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại.

- Nội dung cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII; Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các quy định về trách nhiệm nêu gương theo chức năng, nhiệm vụ của một số tập thể, cá nhân còn chung chung vì vậy không có nội dung để đánh giá cụ thể.

- Tự phê bình và phê bình trong quá trình kiểm điểm ở một số cấp ủy, tổ chức đảng vẫn là khâu hạn chế, còn hình thức. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong một số cấp ủy, tổ chức đảng còn biểu hiện nể nang, né tránh.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC**

Bên cạnh việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết số 28-NQ/TU, ngày 06/12/2023 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị năm 2024, với Chủ đề năm là: *“Trách nhiệm - Nêu gương - Kỷ cương - Hiệu quả”*, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo và xây dựng phương hướng, biện pháp khắc phục hạn chế, khuyết điểm sau:

1. Chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, các nguyên tắc, quy trình, quy định của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát và đề cao trách nhiệm người đứng đầu.

2. Tiếp tục lãnh đạo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kết luận số 21-KL/TW (khóa XIII); Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, gắn với các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương, bằng các giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, sáng tạo, tạo chuyển biến đồng bộ, thực chất. Chỉ đạo nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên, nhất là trong khâu cụ thể hóa, tổ chức thực hiện.

3. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức, cá nhân nghiêm túc xây dựng kế hoạch có nội dung, lộ trình cụ thể khắc phục những hạn chế, khuyết điểm được chỉ ra trong năm 2023 và qua kiểm tra, giám sát, thanh tra của Trung ương, cấp ủy các cấp.

4. Tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; công tác thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, giải quyết các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài trên địa bàn tỉnh.

5. Tập trung cao độ trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các nội dung, nhất là công tác chuẩn bị đại hội, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ chuẩn bị cho đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030.

6. Tăng cường khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Tiếp tục chỉ đạo sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy gắn với Đề án vị trí việc làm và tinh giảm biên chế theo lộ trình. Tập trung đánh giá, tổng kết việc thí điểm các mô hình mới, cách làm hay



trong thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII để rút kinh nghiệm, có phương án chỉ đạo phù hợp, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

7. Tiếp tục quán triệt và nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về kiểm điểm đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị phù hợp, sát với thực tiễn, thực sự chất lượng, hiệu quả.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (*báo cáo*),
- Vụ III- BTC Trung ương,
- Vụ VII - UBKT Trung ương,
- Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH3.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Trần Đình Văn**

**THỐNG KÊ**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG**  
**NĂM 2023**

Biểu số 6A - BTCTW

STT	Tiêu chí	Tổng số	Chia theo các loại hình tổ chức cơ sở đảng																						Tổ chức đảng ở ngoài nước	Tổ chức đảng khác		
			Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CT-XH	Cơ quan Nhà nước	Đơn vị sự nghiệp			Quân đội	Công an	Tổng số	Doanh nghiệp và hợp tác xã													HTX	
								Tổng số	Công lập	Ngoài công lập				DN có vốn Nhà nước				DN ngoài khu vực Nhà nước					DN có vốn nước ngoài					
														Tổng số	NN nắm giữ 100% vốn điều lệ	NN nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	NN nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ	Tổng số	CT Cổ phần	DN Tư nhân	CT TN HH	CT Hợp danh	Tổng số	CT 100% vốn NNg				
1	2	3=4+...+14	4	5	6	7	8	9			10	11	12=12a+12b+12c	12a				12b							12c	13	14	
A	TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG	747	111	18	13	66	230	163	162	1	17	38	91	41	24	8	9	50	34	2	13	0	1	1				
I	ĐẢNG BỘ CƠ SỞ	262	111	18	13	4	21	35	34	1	17	29	14	10	6	2	2	4	4									
1	Số có đến cuối năm (1=2+3)	262	111	18	13	4	21	35	34	1	17	29	14	10	6	2	2	4	4	0	0	0	0					
2	Số đã ĐG, XL chất lượng	259	111	18	13	4	21	35	34	1	17	26	14	10	6	2	2	4	4	0	0	0	0					
-	HTXSNV	63	16	3	6	3	5	6	6		6	11	7	5	4		1	2	2				0					
-	HTTNV	174	84	10	6	1	14	28	27	1	10	15	6	4	2	1	1	2	2				0					
-	HTNV	18	10	4	1		1	1	1		1		0	0				0					0					
-	Không HTNV	4	1	1			1	0					1	1		1		0					0					

STT	Tiêu chí	Tổng số	Chia theo các loại hình tổ chức cơ sở đăng																								Tổ chức đăng ở ngoài nước	Tổ chức đăng khác
			Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, MTT Q, tổ chức CT-XH	Cơ quan Nhà nước	Đơn vị sự nghiệp			Quân đội	Công an	Tổng số	Doanh nghiệp và hợp tác xã											HTX			
								Tổng số	Công lập	Ngoài công lập				DN có vốn Nhà nước				DN ngoài khu vực Nhà nước					DN có vốn nước ngoài					
														Tổng số	NN năm giữ 100% vốn điều lệ	NN năm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	NN năm giữ dưới 50% vốn điều lệ	Tổng số	CT Cổ phần	DN Tư nhân	CT TN HH	CT Hợp danh	Tổng số	CT 100% vốn NNg				
3	Số chưa ĐG, XL chất lượng	3						0				3	0	0				0					0					
	Trong đó: Số mới thành lập	3						0				3	0	0				0					0					
II	CHI BỘ CƠ SỞ	485				62	209	128	128			9	77	31	18	6	7	46	30	2	13		1	1				
1	Số có đến cuối năm (1=2+3)	485	0	0	0	62	209	128	128	0	0	9	77	31	18	6	7	46	30	2	13	0	1	1				
2	Số đã ĐG, XL chất lượng	485	0	0	0	62	209	128	128	0	0	9	77	31	18	6	7	46	30	2	13	0	1	1				
-	HTXSNV	68				22	24	15	15			1	6	4	4			2			2		0					
-	HTTNV	376				38	171	97	97			8	62	24	14	6	4	38	25	2	10		1	1				
-	HTNV	36				1	12	14	14				9	3			3	6	5		1		0					
-	Không HTNV	5				1	2	2	2				0	0				0					0					
3	Số chưa ĐG, XL chất lượng	0						0					0	0				0					0					
	Trong đó: Số mới thành lập	0						0					0	0				0					0					

Chia theo các loại hình tổ chức cơ sở đảng

STT		Tiêu chí	Tổng số	Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CT-XH	Cơ quan Nhà nước	Đơn vị sự nghiệp			Quân đội	Công an	Doanh nghiệp và hợp tác xã										Tổ chức đảng ở ngoài nước	Tổ chức đảng khác			
									Tổng số	Công lập	Ngoài công lập			DN có vốn Nhà nước			DN ngoài khu vực Nhà nước									DN có vốn ngoài nước		HTX
														Tổng số	NN nắm giữ 100% vốn điều lệ	NN nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	NN nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ	Tổng số	CT Cổ phần	DN Tư nhân	CT TN HH	CT Hợp danh	Tổng số			CT 100% vốn NNG		

	TỔ CHỨC ĐẢNG TRỰC THUỘC																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
--	-------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

STT	Tiêu chí	Tổng số	Chia theo các loại hình tổ chức cơ sở đảng																										
			Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CT-XH	Cơ quan Nhà nước	Đơn vị sự nghiệp			Quân đội	Công an	Doanh nghiệp và hợp tác xã													HTX	Tổ chức đảng ở ngoài nước	Tổ chức đảng khác	
								Tổng số	Công lập	Ngoài công lập			Tổng số	DN có vốn Nhà nước				DN ngoài khu vực Nhà nước					DN có vốn nước ngoài						
														Tổng số	NN nắm giữ 100% vốn điều lệ	NN nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	NN nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ	Tổng số	CT Cổ phần	DN Tư nhân	CT TNHH	CT Hợp danh	Tổng số	CT 100% vốn NNg					
2	Số đã ĐG, XL chất lượng	2,991	1,557	399	331	19	130	207	202	5	70	168	110	82	71	3	8	28	28	0	0	0	0						
-	HTXSNV	523	262	77	60	4	25	24	24		17	31	23	19	16	1	2	4	4				0						
-	HTTNV	2,357	1,228	315	257	15	101	180	175	5	42	132	87	63	55	2	6	24	24				0						
-	HTNV	103	62	7	14		3	3	3		10	4	0	0				0					0						
-	Không HTNV	8	5				1	0			1	1	0	0				0					0						
3	Số chưa ĐG, XL chất lượng	20	1					0				19	0	0				0					0						
	Trong đó: Số mới thành lập	20	1					0				19	0	0				0					0						

THỐNG KÊ  
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN  
NĂM 2023

Biểu số 6B - BTCTW

STT	Tiêu chí	Tổng số	Chia theo các loại hình tổ chức cơ sở đảng																										
			Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CT-XH	Cơ quan Nhà nước	Đơn vị sự nghiệp			Quân đội	Công an	Tổng số	Doanh nghiệp và hợp tác xã														Tổ chức đảng ở ngoài nước	Tổ chức đảng khác
								Tổng số	Công lập	Ngoài công lập				DN có vốn Nhà nước				DN ngoài khu vực Nhà nước					DN có vốn nước ngoài		HTX				
														Tổng số	NN Năm giữ 100% vốn điều lệ	NN Năm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	NN Năm giữ dưới 50% vốn điều lệ	Tổng số	CT Cổ phần	DN Tư nhân	CT TNHH	CT Hợp danh	Tổng số	DN 100% vốn NN					
1	2	3-4+5+6+7+8+9+12+13+14+27+28	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28		
1	Số có mặt đến thời điểm ĐG, XL chất lượng (1=2+3+4)	48,772	18,171	9,178	6,537	959	3,844	4,771	4,728	43	808	2,388	2,116	1,414	1,139	110	165	702	526	12	154	0	10	10					
2	Số được miễn ĐG, XL chất lượng	2,928	1,372	795	624	1	28	61	61		10	7	30	28	26	1	1	2	1		1		0						
3	Số chưa được ĐG, XL chất lượng	810	410	112	99	11	40	82	82		1	17	38	25	20	4	1	13	11		2		0						
4	Số đã ĐG, XL chất lượng	45,034	16,389	8,271	5,814	947	3,776	4,628	4,585	43	797	2,364	2,048	1,361	1,093	105	163	687	514	12	151	0	10	10					
-	HTXSNV	6,654	2,268	1,379	857	160	537	573	573		130	429	321	241	195	24	22	80	62	1	15		2	2					
-	HTTNV	36,640	13,258	6,705	4,713	776	3,120	3,923	3,883	40	636	1,852	1,657	1,074	870	79	125	583	428	11	136		8	8					
-	HTNV	1,457	718	171	224	6	91	100	97	3	20	67	60	37	22	1	14	23	23				0						

STT	Tiêu chí	Tổng số	Chia theo các loại hình tổ chức cơ sở đảng																									
			Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CT-XH	Cơ quan Nhà nước	Đơn vị sự nghiệp			Quân đội	Công an	Tổng số	Doanh nghiệp và hợp tác xã													Tổ chức đảng ở ngoài nước	Tổ chức đảng khác
								Tổng số	Công lập	Ngoài công lập				DN có vốn Nhà nước				DN ngoài khu vực Nhà nước					DN có vốn nước ngoài		HTX			
														Tổng số	NN Năm giữ 100% vốn điều lệ	NN Năm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	NN Năm giữ dưới 50% vốn điều lệ	Tổng số	CT Cổ phần	DN Tư nhân	CT TN HH	CT Hợp danh	Tổng số	DN 100% vốn NN				
-	Không HTNV	283	145	16	20	5	28	32	32		11	16	10	9	6	1	2	1	1				0					
trong đó	Cấp có thẩm quyền kết luận đánh giá có biểu hiện suy thoái	3	3					0					0	0				0					0					
	Chỉ hoàn thành dưới 50% số chỉ tiêu	1						0			1	0	0					0					0					
	ĐV là công chức, viên chức xếp loại KHTNV	18	4		1	2	5	5	5		1	0	0					0					0					
	Bị xử lý kỷ luật trong năm	215	122		20	4	16	23	23		9	11	10	9	6	1	2	1	1				0					
	Khác	6	1			1	4	0					0	0				0					0					







**THỐNG KÊ**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG**  
**TẬP THỂ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ**  
**Năm 2023**

Biểu số 6D - BTCTW

STT	Tiêu chí	Tổng số	Ban Chấp hành	Ban Thường vụ	Tập thể lãnh đạo, quản lý khác
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
<b>I</b>	<b>Ở CẤP TỈNH</b>	<b>46</b>		<b>1</b>	<b>45</b>
<b>1</b>	<b>Số có đến cuối năm (1=2+3)</b>	<b>46</b>		<b>1</b>	<b>45</b>
<b>2</b>	<b>Số chưa ĐG, XL chất lượng</b>	<b>0</b>			
<b>3</b>	<b>Số đã ĐG, XL chất lượng</b>	<b>46</b>		<b>1</b>	<b>45</b>
-	HTXSNV	<b>4</b>			<b>4</b>
-	HTTNV	<b>33</b>			<b>33</b>
-	HTNV	<b>4</b>			<b>4</b>
-	Không HTNV	<b>5</b>		<b>1</b>	<b>4</b>
<i>Trong đó</i>	Cấp có thẩm quyền kết luận mất đoàn kết nội bộ hoặc có thành viên suy thoái...				
	Địa phương, TC, CQ, đơn vị trực tiếp LĐ, QL hoàn thành dưới 50% số chỉ tiêu...				
	Các chỉ tiêu chủ yếu không đạt 100%				
	Tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật				
	Có thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên	<b>4</b>		<b>1</b>	<b>3</b>
	Khác				<b>1</b>
<b>II</b>	<b>Ở CẤP HUYỆN</b>	<b>298</b>		<b>16</b>	<b>282</b>
<b>1</b>	<b>Số có đến cuối năm (1=2+3)</b>	<b>298</b>		<b>16</b>	<b>282</b>
<b>2</b>	<b>Số chưa ĐG, XL chất lượng</b>	<b>1</b>			<b>1</b>
<b>3</b>	<b>Số đã ĐG, XL chất lượng</b>	<b>297</b>		<b>16</b>	<b>281</b>
-	HTXSNV	<b>56</b>		<b>3</b>	<b>53</b>
-	HTTNV	<b>226</b>		<b>12</b>	<b>214</b>
-	HTNV	<b>11</b>		<b>1</b>	<b>10</b>
-	Không HTNV	<b>4</b>			<b>4</b>
<i>Trong đó</i>	Cấp có thẩm quyền kết luận mất đoàn kết nội bộ hoặc có thành viên suy thoái...	<b>0</b>			
	Địa phương, TC, CQ, đơn vị trực tiếp LĐ, QL hoàn thành dưới 50% số chỉ tiêu...	<b>1</b>			<b>1</b>
	Các chỉ tiêu chủ yếu không đạt 100%	<b>0</b>			

STT	Tiêu chí	Tổng số	Ban Chấp hành	Ban Thường vụ	Tập thể lãnh đạo, quản lý khác
<i>Trong đó</i>	Tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật	0			
	Có thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên	1			1
	Khác	2			2
<b>III</b>	<b>Ở CẤP CƠ SỞ</b>	<b>770</b>	<b>279</b>	<b>169</b>	<b>322</b>
<b>1</b>	<b>Số có đến cuối năm (1=2+3)</b>	<b>770</b>	<b>279</b>	<b>169</b>	<b>322</b>
<b>2</b>	<b>Số chưa ĐG, XL chất lượng</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	
<b>3</b>	<b>Số đã ĐG, XL chất lượng</b>	<b>766</b>	<b>278</b>	<b>166</b>	<b>322</b>
-	HTXSNV	163	53	37	73
-	HTTNV	537	202	106	229
-	HTNV	51	20	19	12
-	Không HTNV	15	3	4	8
<i>Trong đó</i>	Cấp có thẩm quyền kết luận mất đoàn kết nội bộ hoặc có thành viên suy thoái...	2		1	1
	Địa phương, TC, CQ, đơn vị trực tiếp LĐ, QL hoàn thành dưới 50% số chỉ tiêu...	6	1		5
	Các chỉ tiêu chủ yếu không đạt 100%	0			
	Tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật	0			
	Có thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên	3		2	1
	Khác	4	2	1	1
<b>IV</b>	<b>TỔNG SỐ TẬP THỂ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ (IV=I+II+III)</b>	<b>1,114</b>	<b>279</b>	<b>186</b>	<b>649</b>

## THỐNG KÊ

## KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ NĂM 2023

Biểu số 6E - BTCTW

STT	Chức danh	Tổng số có đến cuối năm	Tổng số chưa được đánh giá, xếp loại chất lượng	Tổng số đã được đánh giá, xếp loại chất lượng	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng				Ghi chú
					Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không hoàn thành nhiệm vụ	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5 = 6+7+8+9</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
<b>I</b>	<b>Ở CẤP TỈNH (1)</b>								
1	Bí thư	1		1				1	
2	Phó bí thư	2	1	1		1			01 chưa đánh giá, xl
3	Ủy viên Ban thường vụ	11	1	10	2	8			01 chưa đánh giá, xl
	<i>Tổng cộng</i>	<b>14</b>	<b>2</b>	<b>12</b>	<b>2</b>	<b>9</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	
<b>II</b>	<b>Ở CẤP HUYỆN (2)</b>								
1	Bí thư	16		16	2	13		1	
2	Phó bí thư	31	1	30	7	23			Dưới 6 tháng
3	Ủy viên Ban thường vụ	121	2	119	18	100		1	Dưới 6 tháng
	<i>Tổng cộng</i>	<b>168</b>	<b>3</b>	<b>165</b>	<b>27</b>	<b>136</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	
<b>III</b>	<b>Ở CẤP CƠ SỞ (3)</b>								
1	Bí thư	741		741	198	502	36	5	Khuyết 03 BT
2	Phó bí thư	743		743	175	546	19	3	
3	Ủy viên Ban chấp hành	2,483		2,483	521	1,897	52	13	
	<i>Tổng cộng (1)+(2)+(3)</i>	<b>3,967</b>	<b>0</b>	<b>3,967</b>	<b>894</b>	<b>2,945</b>	<b>107</b>	<b>21</b>	

**THÔNG KÊ**  
**KẾT QUẢ KIỂM ĐIỂM TỰ PHÊ BÌNH VÀ PHÊ BÌNH**  
**Năm 2023**

Biểu số 6F - BTCTW

TT	Nội dung	Tập thể	Đảng viên	Ghi chú
1	Số lượng thuộc đối tượng phải kiểm điểm tự phê bình và phê bình	1,114	48,772	
2	Số lượng đã kiểm điểm tự phê bình và phê bình	1,109	45,034	
3	Số lượng chưa kiểm điểm tự phê bình và phê bình	5	810	
	Trong đó:			
3.1	Số tập thể thành lập mới	5		
3.2	Đảng viên mới kết nạp dưới 6 tháng			
	Đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng			
	Đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng		2	
4	Số được gợi ý kiểm điểm	129	86	
	Trong đó:			
4.1	Thuộc diện ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh quản lý	3	2	
4.2	Thuộc diện ban thường vụ cấp ủy cấp huyện quản lý	99	47	
4.3	Thuộc diện đảng ủy cơ sở quản lý	27	37	